

Số: 75/2022/QĐST-HNGĐ

Hương Trà, ngày 08 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh **Lê L**, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn G, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị **Trương Thị Thanh T**, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn G, xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê L và chị Trương Thị Thanh T đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế vào năm 2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh L, chị T trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31/8/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên là Lê Trương Bảo N, sinh ngày 18/01/2012; Lê Hoàng Thiện Nhân, sinh ngày 27/10/2014 và Lê Trương Linh Đ, sinh ngày 12/12/2020. Anh L, chị T thỏa thuận giao cháu N cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nhân và cháu Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu N, Nhân, Đ lần lượt đủ 18 tuổi. Anh L cấp dưỡng cho hai cháu Nhân và Đ, cụ thể: cấp dưỡng cho cháu Nhân mỗi tháng 1.500.000 đồng và cấp dưỡng cho cháu Đ mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Nhân, cháu Đ lần lượt đủ 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng cho

cháu N. Xét việc thỏa thuận của anh L, chị T là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về tài sản: Anh Lê L và chị Trương Thị Thanh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Anh Lê L và chị Trương Thị Thanh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê L và chị Trương Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn; mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê L và chị Trương Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Trương Bảo N, sinh ngày 18/01/2012 cho anh Lê L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Hoàng Thiện Nhân, sinh ngày 27/10/2014 và cháu Lê Trương Linh Đ, sinh ngày 12/12/2020 cho chị Trương Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L cấp dưỡng cho cháu Nhân và cháu Đ, cụ thể: cấp dưỡng cho cháu Nhân mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) và cấp dưỡng cho cháu Đ mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng); chị T không phải cấp dưỡng cho cháu N. Thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Lê Trương Bảo N, Lê Hoàng Thiện Nhân, Lê Trương Linh Đ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiếp cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không ai có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Lê L và chị Trương Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm; mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền anh L, chị T đã nộp theo biên L số AA/2021/0001425 ngày 24/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà. Anh L, chị T đã nộp đủ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND xã Hương Toàn
(Số 28/2012);
- Các đương sự;
- Lưu dấu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh